

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange

- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/Authorized Participants and Investors

Công ty QLQ DCVFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:

VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: Quỹ ETF DCVFMVN MIDCAP/ Fund name: DCVFMVN MIDCAP ETF
- Mã ccq/Code: FUEDCMID
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: 16-06-2025
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of component securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng (CP)/ Giá trị (VND)	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume/Amount	Weighting
I.	Chứng khoán/ Stock	1,173,815,000	98.87%
1	BMP	100	1.15%
2	BSI	100	0.34%
3	BWE	100	0.40%
4	CII	1,000	1.18%
5	CMG	200	0.59%
6	CTD	100	0.68%
7	CTR	100	0.81%
8	DBC	500	1.28%
9	DCM	300	0.86%
10	DGC	500	3.90%
11	DGW	300	1.02%
12	DIG	1,100	1.55%
13	DPM	400	1.20%
14	DSE	300	0.57%
15	DXG	1,900	2.52%
16	EIB	3,300	6.30%
17	EVF	1,600	1.37%
18	FRT	200	2.88%
19	FTS	400	1.20%
20	GEX	1,500	4.28%
21	GMD	800	3.75%
22	HAG	1,000	1.08%
23	HCM	800	1.70%
24	HDC	300	0.62%
25	HDG	400	0.82%
26	HHV	800	0.81%
27	HSG	1,100	1.51%
28	KBC	1,100	2.26%
29	KDC	300	1.33%
30	KDH	1,300	3.20%
31	MSB	4,900	4.93%
32	NAB	2,500	3.45%
33	NKG	800	0.88%
34	NLG	600	1.89%
35	NT2	200	0.30%
36	OCB	3,100	2.95%
37	PAN	300	0.68%
38	PC1	600	1.11%
39	PDR	900	1.27%
40	PHR	100	0.43%
41	PNJ	600	3.94%
42	POW	1,200	1.29%
43	PTB	100	0.43%
44	PVD	600	1.03%
45	PVT	400	0.80%
46	REE	300	1.69%
47	SBT	1,000	1.59%
48	SCS	100	0.53%
49	SIP	200	1.08%
50	SJS	200	1.54%
51	SZC	200	0.55%
52	TCH	800	1.28%

STT	Mã chứng khoán	Số lượng (CP)/ Giá trị (VND)	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume/Amount	Weighting
53	VCG	800	1.33%
54	VCI	900	2.68%
55	VGC	100	0.37%
56	VHC	200	0.90%
57	VIX	2,900	3.18%
58	VND	2,400	3.26%
59	VPI	300	1.32%
60	VTP	100	0.99%
II.	Tiền/ Cash (VND)	13,438,355	1.13%
III.	Tổng / Total (=I+II)	1,187,253,355	100%

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 1,173,815,000

+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,187,253,355

+ Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND) 13,438,355

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason
HCM	27,720	HSC	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/Treasury stock not yet registered for trading
PAN	29,480	SSI	Hạn chế giao dịch theo quy định điều 33 TT96/2020/TT-BTC/ Restriction of trading by Circular 196/2020/TT-BTC
VCI	38,885	VCSC	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/Treasury stock not yet registered for trading
OCB	12,430	AP/Nhà đầu tư nước ngoài AP/Foreign Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
PNJ	85,800	AP/Nhà đầu tư nước ngoài AP/Foreign Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
REE	73,700	AP/Nhà đầu tư nước ngoài AP/Foreign Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period (*) 16-06-2025	Kỳ trước/Last period (**) 13-06-2025	Chênh lệch/ Changes
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
2. Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	1	0	1
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/Issued Shares	28,000,000	28,100,000	-100,000
4. Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close Price	11,850	11,700	150
5. Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value: của quỹ ETF/of the Fund	333,618,192,882	338,684,366,538	-5,066,173,656
của một lô ETF/per Creation Unit	1,187,253,355	1,205,282,443	-18,029,088
của một chứng chỉ quỹ/per Share	11,872.53	12,052.82	-180.29
6. Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	1,950.06	1,907.08	42.98

(*) Chỉ tiêu 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 15/06/2025 /(*) The criteria #5 is represented by NAV as at 15/06/2025

(**) Chỉ tiêu 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 12/06/2025/(**) The criteria #5 is represented by NAV as at 12/06/2025

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ DCVFM Fund Management Company DCVFM



LÊ HOÀNG ANH
Quyền Giám đốc Nghiệp vụ Hỗ trợ đầu tư

Ngày ký: 17/06/2025